

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 17/PEPSICO/2024

### I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PEPSICO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 3-4-5, Lô CN2, đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 84 0274-3631811

E-mail: huynhngoc.quy@pepsico.com

Mã số doanh nghiệp: 3702139167

Chứng nhận An toàn thực phẩm: Food Safety System Certification (FSSC) 22000 do SGS cấp, có giá trị từ 14/01/2022 đến 24/11/2024.

### II. Thông tin về sản phẩm

#### 1. Tên sản phẩm: POCA VỊ SỮA CHUA DÂU

#### 2. Thành phần:

Bột bắp 28%, dầu thực vật, bột mì, bột gạo, gia vị sữa chua dâu 9% (đường, bột phô mai, hương liệu (tự nhiên, giống tự nhiên và tổng hợp), maltodextrin, chất tạo màu tự nhiên 162, chất chống đông vón (341(iii), 551), muối I-ốt, bột chiết xuất dâu tây 0,2%, chất tạo ngọt tổng hợp 951), đường, chất ổn định 170(i).

**Thông tin cảnh báo:** Sản phẩm chứa nguyên liệu từ sữa và lúa mì. Không phù hợp với người dị ứng với chất tạo ngọt.

#### 3. Thời hạn sử dụng: 6 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD) được in trên bao bì

Hướng dẫn bảo quản: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Hướng dẫn sử dụng: dùng ăn liền, không cần qua chế biến, xử lý thêm.

#### Cách ghi ngày sản xuất, hạn sử dụng:

Cách 1:

NSX/MFG date: DDMMYY\_máy đóng gói  
Khối lượng tịnh (g): TT g – GG: PP

Cách 2:

NSX/MFG date: DDMMYY\_máy đóng gói  
Khối lượng tịnh (g): TT g – GG: PP

Cách 3:

NSX/MFG date: DDMMYY\_máy đóng gói  
Khối lượng tịnh (g): TT g – GG: PP

Cách 4:

NSX/MFG date: DDMMYY\_máy đóng gói  
Khối lượng tịnh (g): TT g GG: PP

Cách 5:



Handwritten signature or mark.

NSX/MFG date: DDMMYY~ máy đóng gói  
Khối lượng tịnh (g): TT g GG: PP

Cách 6:

NSX/MFG date: DDMMYY- máy đóng gói  
Khối lượng tịnh (g): TT g GG: PP

**Trong đó:**

DDMMYY: ngày tháng năm

GG: giờ đóng gói.

PP: phút đóng gói.

TT: khối lượng tịnh.

Máy đóng gói: sẽ có kí hiệu sau A, B, C,... hoặc 1, 2, 3, 4,... hoặc 1L, 2L, 3L,... hoặc 01, 02, 03,... hoặc AL, BL, CL...

**Ví dụ:**

Cách 1:

NSX/MFG date: 250615\_M  
Khối lượng tịnh (g): 35 g – 14:30

Cách 2:

NSX/MFG date: 250615~M  
Khối lượng tịnh (g): 35 g – 14:30

Cách 3:

NSX/MFG date: 250615- M  
Khối lượng tịnh (g): 35 g – 14:30

Cách 4:

NSX/MFG date: 250618\_ML  
Khối lượng tịnh (g): 35 g 14:30

Cách 5:

NSX/MFG date: 250618~ML  
Khối lượng tịnh (g): 35 g 14:30

Cách 6:

NSX/MFG date: 250615- ML  
Khối lượng tịnh (g): 35 g 14:30

#### **4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Chất liệu bao bì: các lớp màng ghép gồm các lớp màng plastic và màng giả nhôm (hay màng nhôm) phù hợp để chứa đựng thực phẩm
- Quy cách bao gói: khối lượng tịnh một gói: 9 g, 10 g, 11 g, 12 g, 13 g, 14 g, 15 g, 16 g, 17 g, 18 g, 19 g, 20 g, 21 g, 22 g, 23 g, 24 g, 25 g, 26 g, 27 g, 28 g, 29 g, 30 g, 31 g, 32 g, 33 g, 34 g, 35 g, 36 g, 37 g, 38 g, 39 g, 40 g, 41 g, 42 g, 43 g, 44 g, 45 g, 50 g, 51 g, 52 g, 53 g, 54 g, 55 g, 56 g, 57 g, 58 g, 59 g, 60 g, 61 g, 62 g, 63 g, 64 g, 65 g, 66 g, 67 g, 68 g, 69 g, 70 g, 71 g, 72 g, 73 g, 74 g, 75 g, 76 g, 80 g, 81 g, 82 g, 83 g, 84 g, 85 g, 86 g, 87 g, 90 g, 91 g, 92 g, 93 g, 94 g, 95 g, 96 g, 97 g, 98 g, 99 g, 100 g, 101 g, 102 g, 103 g, 104 g, 105 g,... được in trên bao bì.

#### **5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất: Xuất xứ: Việt Nam**

- Sản xuất tại: Công ty TNHH Thực phẩm PepsiCo Việt Nam – PEPSICO FOODS VIETNAM COMPANY

24

- Địa chỉ: Số 3-4-5, Lô CN2, đường số 2, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại: 0274-3631811 - Fax: 0274-363 1811
- Tổng đài chăm sóc khách hàng: 1900 636327

### III. Mẫu nhãn sản phẩm: Theo nhãn đính kèm

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:
  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho ngũ cốc

| STT | Chỉ tiêu       | Đơn vị | Mức tối đa |
|-----|----------------|--------|------------|
| 1   | Asen (As)      | ppm    | 1          |
| 2   | Chì (Pb)       | ppm    | 0,2        |
| 3   | Cadimi (Cd)    | ppm    | 0,1        |
| 4   | Thủy ngân (Hg) | ppm    | 0,05       |

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT: quy chuẩn quốc gia về giới hạn an toàn cho phép đối với ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (áp dụng cho snack và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc).

| STT | Chỉ tiêu             | Đơn vị | Mức tối đa |
|-----|----------------------|--------|------------|
| 1   | Aflatoxin B1         | ppb    | 2          |
| 2   | Aflatoxin tổng số    | ppb    | 4          |
| 3   | Ochratoxin A         | ppb    | 3          |
| 4   | Deoxynivalenol (DON) | ppb    | 500        |
| 5   | Zearalenone          | ppb    | 50         |

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất

#### Tiêu chuẩn vi sinh:

| STT | Chỉ tiêu                   | Đơn vị | Mức tối đa      |
|-----|----------------------------|--------|-----------------|
| 1   | Tổng số VK hiếu khí        | CFU/g  | 10 <sup>4</sup> |
| 2   | Coliforms                  | CFU/g  | 10              |
| 3   | <i>E. coli</i>             | CFU/g  | 10 (*)          |
| 4   | <i>S. aureus</i>           | CFU/g  | 10              |
| 5   | <i>Cl. Perfringens</i>     | CFU/g  | 10              |
| 6   | <i>B. cereus</i>           | MPN/g  | 3               |
| 7   | Tổng số nấm men và nấm mốc | CFU/g  | 10 <sup>2</sup> |

(\*) hoặc nhỏ hơn 3MPN/g

#### Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: dạng hình bắp rang, bên ngoài có tằm bột gia vị
- Màu sắc: màu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi vị: thơm ngon đặc trưng, không có mùi vị lạ

Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu, chỉ tiêu chỉ điểm chất lượng, giá trị dinh dưỡng và mức đáp ứng nhu cầu hàng ngày:

| STT | Chỉ tiêu                                   | Đơn vị tính | Mức chất lượng |
|-----|--------------------------------------------|-------------|----------------|
| 1   | Độ ẩm                                      | %w/w        | ≤ 5            |
| 2   | Hàm lượng tro không tan trong axit HCl 10% | % chất khô  | ≤ 0,1          |
| 3   | Hàm lượng axit béo tự do theo axit oleic   | %w/w        | ≤ 0,7          |

13916  
ÔNG T  
TNHH  
LỤC PH  
EPSI  
IẾT N  
BÌNH C

2

|   |                 |        |       |
|---|-----------------|--------|-------|
| 4 | Chỉ số peroxide | meq/kg | < 5,0 |
|---|-----------------|--------|-------|

- Nghị định Chính phủ 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2024

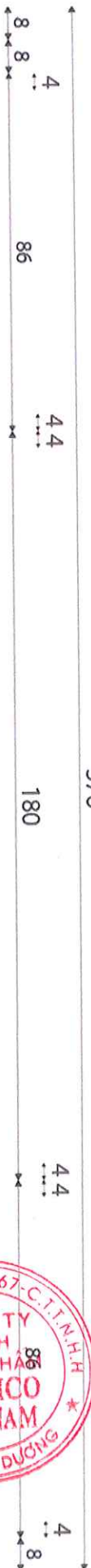
Đại diện tổ chức, cá nhân



HUYỀN NGỌC QUÝ

Trưởng phòng Quản Lý Chất Lượng

Y  
AM  
CO  
AM  
ƯỚC



**Thông tin dinh dưỡng**

| Tổng số phần ăn: khoảng 1 phần ăn/ gói |                 |                                         |
|----------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------|
| Kcal từ một phần ăn: 30 g              |                 |                                         |
| Tham khảo dinh dưỡng                   |                 |                                         |
|                                        | Tên một phần ăn | % Giá trị dinh dưỡng<br>tham khảo (N%)* |
| Năng lượng (Energy)                    | 151 Kcal        | 7.5 %                                   |
| Chất đạm (Protein)                     | 1.81 g          | 3.62 %                                  |
| Carbohydrate (Carbohydrate)            | 19.4 g          | 5.97 %                                  |
| Đường tổng số (Total sugar)            | 3.93 g          |                                         |
| Chất béo (Fat)                         | 7.32 g          | 13.1 %                                  |
| Chất béo bão hòa (Saturated fat)       | 3.03 g          | 15.2 %                                  |
| Natri (Sodium)                         | 37.2 mg         | 1.68 %                                  |

\* Giá trị dinh dưỡng tham khảo (Nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ dựa trên nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (cho khẩu phần 2000 Kcal) của một thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.

Thành phần: Bột bắp 28%, dầu thực vật bột mì, bột gạo, gia vị Sữa chua dâu 9% (đường, bột pho mai, hương liệu tự nhiên, giấm tự nhiên và tổng hợp), maltodextrin, chất tạo màu tự nhiên 162, chất chống đông vón (341 (III), 551), muối iốt, bột chiết xuất dâu tây 0,2%, chất tạo ngọt tổng hợp 951, đường, chất ổn định 17001.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa nguyên liệu từ sữa và lúa mì. Không phù hợp với người dị ứng chất tạo ngọt. Sản phẩm của Công ty TNHH Thực phẩm PepsiCo Việt Nam: 55 3-4-5, Lô CN2, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Thành 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Chăm sóc khách hàng: 1900 636327

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Hương dân sử dụng: Dùng ăn liền, không cần qua chế biến, xử lý thêm.

HSD: 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Bản tư công bố số: 17/PERSICO/2024

NSX/MFG date:  
Khối lượng tịnh (g):

24EP1102

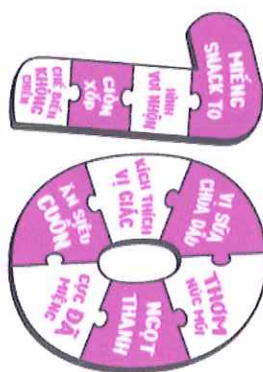


**BÁNH SNACK**

Tổng 20 g  
Hàm lượng  
năng lượng  
113 kJ (27 kcal)  
\*Hàm lượng năng lượng  
tham khảo dựa trên 2000 kcal



**BÁNH NGON VỚI TASTE ĐẶC SẠC**



Để biết thêm thông tin về sản phẩm, vui lòng truy cập: <http://pocavietnam.com>  
Poca và Pepsico là các nhãn hiệu đã được đăng ký đặc quyền bởi PepsiCo Inc., New York, Mỹ.



8 936079 123888

Hình ảnh trên bao bì mang tính chất minh họa.



Handwritten signature or mark.



4  
8  
8

100

4.4

208

4.4

100

4  
8

28  
10

13

Thông tin dinh dưỡng

| Nutrition Facts                        |                  |                      |                         |
|----------------------------------------|------------------|----------------------|-------------------------|
| Tổng số phần ăn: Khoảng 2 phần ăn/ gói |                  |                      |                         |
| Kích cỡ một phần ăn: 30 g              |                  |                      |                         |
| Thành phần dinh dưỡng                  | Trên một phần ăn | % Giá trị dinh dưỡng | thêm chi tiết (NRV) *** |
| Năng lượng (Energy)                    | 151              | Kcal                 | 7.6 %                   |
| Chất đạm (Protein)                     | 1.81             | g                    | 3.62 %                  |
| Carbohydrat (Carbohydrate)             | 19.4             | g                    | 5.97 %                  |
| Đường tổng số (Total sugars)           | 3.93             | g                    |                         |
| Chất béo (Fat)                         | 7.32             | g                    | 13.1 %                  |
| Chất béo bão hòa (Saturated Fat)       | 3.03             | g                    | 15.2 %                  |
| Natri (Sodium)                         | 37.2             | mg                   | 1.86 %                  |

\*\*\* Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của một thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.

Thành phần: Bột bắp 28%, dầu thực vật, bột mì, bột gạo, gia vị. Sđa chua đầu 9% (đường, bột pho mai, hương liệu tự nhiên, giống tự nhiên và tổng hợp), maltodextrin, chất tạo màu tự nhiên 162, chất chống đông vón (341 (iii), 551), muối i-ốt, bột chiết xuất đầu tây 0,2%, chất tạo ngọt tổng hợp 951), đường, chất ổn định 170(i).

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa nguyên liệu từ sữa và lúa mì. Không phù hợp với người dị ứng chất tạo ngọt. Sản phẩm của Công ty TNHH Thực phẩm PepsiCo Việt Nam: 56 3-4-5, Lô CN2, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Chăm sóc khách hàng: 1900 636327

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn liền, không cần qua chế biến, xức lý thêm.

HSD: 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

Bản tự công bố số:

17/PEPSICO/2024

NSX/MFG date:

Khối lượng tịnh (g):

24EP1103



Mới!

BÁNH NGON 10 ĐIỂM\*\*

POCA



VỊ SỮA CHUA DẦU



Trong 30 g  
Năng lượng  
151 Kcal  
\*7,6%

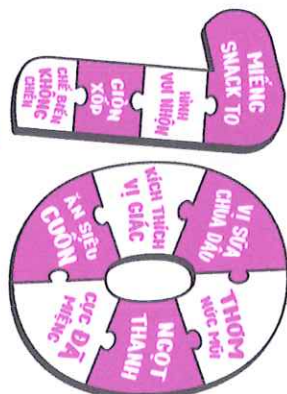
\*Trình tên năng lượng cần thiết mỗi ngày 2000 Kcal

BÁNH SNACK



VỊ SỮA CHUA DẦU

\*\* BÁNH NGON với 10 ĐẶC ĐIỂM SAU:



lay's, Poca và Chocoos là các nhãn hiệu đã được đăng ký đặc quyền bởi PepsiCo Inc., New York, NY.



Hình ảnh trên bao bì mang tính chất minh họa.



KT3-05306BTP4/1-1

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/09/2024  
Page 01/02

- Tên mẫu  
*Name of sample* : POCA VỊ SỮA CHUA DẦU
- Mô tả mẫu  
*Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
*As received sample is intact package and label.*
- Số lượng mẫu  
*Quantity* : 01
- Ngày nhận mẫu  
*Date of receiving* : 04/09/2024
- Thời gian thử nghiệm  
*Testing duration* : 04/09/2024 – 09/09/2024
- Nơi gửi mẫu  
*Customer* : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PEPSICO VIỆT NAM  
Số 3-4-5, Lô CN 2, Đường Số 2, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
*Test results* : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM  
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/  
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.*
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*



KT3-05306BTP4/1-1

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/09/2024  
Page 02/02

### 7. Kết quả thử nghiệm Test results

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                                                                                   | Phương pháp thử<br>Test method       | Phạm vi đo/<br>Range of<br>measurement ( $\geq$ ) | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 7.1. Độ ẩm tính theo khối lượng, %<br>Moisture content (m/m)                                                                     | QTTN/KT3 136:2016                    | -                                                 | 1,52                              |
| 7.2. Hàm lượng axit béo tự do qui ra<br>axit oleic tính theo khối lượng, %<br>Free fatty acid content as oleic<br>acid (m/m)     | QTTN/KT3 199:2019                    | -                                                 | 0,30                              |
| 7.3. Hàm lượng tro không tan trong<br>HCl 10% tính theo khối lượng, %<br>10% HCl - insoluble ash content<br>(m/m)                | QTTN/KT3 138:2016                    | 0,1                                               | Không phát hiện<br>Not detected   |
| 7.4. Trị số peroxide, meq/kg<br>Peroxide value                                                                                   | QTTN/KT3 200:2019                    | 0,2                                               | Không phát hiện<br>Not detected   |
| 7.5. Hàm lượng protein tính theo khối<br>lượng, %<br>Protein content (m/m)                                                       | QTTN/KT3 140:2016<br>Kjeldahl method | -                                                 | 6,03                              |
| 7.6. Hàm lượng carbohydrate không<br>bao gồm chất xơ tính theo khối<br>lượng, %<br>Carbohydrate content excluding<br>fibre (m/m) | AOAC 2020.07                         | -                                                 | 64,6                              |

**Ghi chú/ Note:** Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-05306BTP4/1-2

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/09/2024  
Page 01/01

- Tên mẫu  
Name of sample : POCA VỊ SỮA CHUA DÂU
- Mô tả mẫu  
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 04/09/2024
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 04/09/2024 – 09/09/2024
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PEPSICO VIỆT NAM  
Số 3-4-5, Lô CN 2, Đường Số 2, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Test results :

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                | Phương pháp thử<br>Test method      | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|
| 7.1. Hàm lượng béo tính theo khối lượng,<br>Fat content (m/m) | QTTN/KT3 139:2016<br>(Có thủy phân) | 24,4                              |

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM  
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/  
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-05306BTP4/1-3

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

09/09/2024  
Page 01/02

1. Tên mẫu  
Name of sample : POCA VỊ SỮA CHUA DÂU
2. Mô tả mẫu  
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu  
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 04/09/2024
5. Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 04/09/2024 – 09/09/2024
6. Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PEPSICO VIỆT NAM  
Số 3-4-5, Lô CN 2, Đường Số 2, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm  
Test results : Xem trang / See page 02/02

**TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM**  
**HEAD OF FOOD TESTING LAB**

Nguyễn Thành Công

**TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR**  
**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/**  
**HEAD OF TESTING LAB.**



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-05306BTP4/1-3

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

09/09/2024  
 Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :  
 Test results

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                        | Phương pháp thử<br>Test method | Giới hạn<br>phát hiện/Limit<br>of Detection | Kết quả thử nghiệm<br>Test result                          |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 7.1. Hàm lượng chì,<br>Lead content                   | mg/kg                          | QTTN/KT3 098 : 2016<br>(Ref: AOAC (999.11)) | 3,00x10 <sup>-2</sup><br>Không phát hiện<br>Not detected   |
| 7.2. Hàm lượng cadimi,<br>Cadmium content             | mg/kg                          | QTTN/KT3 098 : 2016<br>(Ref: AOAC (999.11)) | 3,00x10 <sup>-2</sup><br>Không phát hiện<br>Not detected   |
| 7.3. Hàm lượng asen tổng số,<br>Total arsenic content | mg/kg                          | TCVN 8427:2010                              | 1,00 x 10 <sup>-2</sup><br>Không phát hiện<br>Not detected |
| 7.4. Hàm lượng thủy ngân,<br>Mercury content          | mg/kg                          | QTTN/KT3 064:2016<br>(Ref: AOAC (971.21))   | 1,50x10 <sup>-2</sup><br>Không phát hiện<br>Not detected   |

**QUATEST 3®**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*



KT3-05306BTP4/1-4

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/09/2024  
Page 01/02

- Tên mẫu  
Name of sample : POCA VỊ SỮA CHUA DÂU
- Mô tả mẫu  
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 04/09/2024
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 04/09/2024 – 09/09/2024
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PEPSICO VIỆT NAM  
Số 3-4-5, Lô CN 2, Đường Số 2, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Test results : Xem trang / See page 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM  
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/  
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.

KT3-05306BTP4/1-4

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

09/09/2024  
Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :  
Test results

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                  | Phương pháp thử<br>Test method | Giới hạn<br>phát hiện/<br>Limit of<br>Detection | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 7.1. Hàm lượng aflatoxin, $\mu\text{g/kg}$<br>Aflatoxin content | TCVN 7596 : 2007               |                                                 |                                   |
| • B1                                                            |                                | 0,25                                            | Không phát hiện<br>Not detected   |
| • B2                                                            |                                | 0,25                                            | Không phát hiện<br>Not detected   |
| • G1                                                            |                                | 0,25                                            | Không phát hiện<br>Not detected   |
| • G2                                                            |                                | 0,25                                            | Không phát hiện<br>Not detected   |

**QUATEST 3®**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-05306BTP4/1-5

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

09/09/2024  
Page 01/02

- Tên mẫu  
Name of sample : POCA VỊ SỮA CHUA DÂU
- Mô tả mẫu  
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 04/09/2024
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 04/09/2024 – 09/09/2024
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PEPSICO VIỆT NAM  
Số 3-4-5, Lô CN 2, Đường Số 2, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Test results : Xem trang / See page 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM  
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/  
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-05306BTP4/1-5

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/09/2024  
Page 02/02

### 7. Kết quả thử nghiệm Test results

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                                         | Phương pháp thử<br>Test method                       | Giới hạn<br>phát hiện/<br>Limit of<br>Detection | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 7.1. Hàm lượng ochratoxin A, $\mu\text{g/kg}$<br>Ochratoxin A content                  | QTTN/KT3 223 :<br>2018 (Ref: AOAC<br>(2000.03))      | 0,3                                             | Không phát hiện<br>Not detected   |
| 7.2. Hàm lượng zearalenone, $\mu\text{g/kg}$<br>Zearalenone content                    | QTTN/KT3 224 :<br>2018<br>(Ref: TCVN 9591 :<br>2013) | 15                                              | Không phát hiện<br>Not detected   |
| 7.3. Hàm lượng fumonisin (B1 +<br>B2), $\mu\text{g/kg}$<br>Fumonisin (B1 + B2) content | QTTN/KT3 161 :<br>2017                               | 25                                              | Không phát hiện<br>Not detected   |
| 7.4. Hàm lượng deoxynivalenol<br>(DON), $\mu\text{g/kg}$<br>Deoxynivalenol content     | QTTN/KT3 089 :<br>2018 (LC/MS/MS)                    | 20                                              | Không phát hiện<br>Not detected   |

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-05306BTP4/1-6

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

09/09/2024  
Page 01/02

1. Tên mẫu : POCA VỊ SỮA CHUA DÂU  
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
Sample description Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu : 01  
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 04/09/2024  
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 04/09/2024 – 09/09/2024  
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PEPSICO VIỆT NAM  
Customer Số 3-4-5, Lô CN 2, Đường Số 2, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02  
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM  
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/  
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-05306BTP4/1-6

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/09/2024  
Page 02/02

### 7. Kết quả thử nghiệm Test results

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                  | Phương pháp thử<br>Test method       | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|
| 7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí,<br>Total aerobic plate count | CFU/g ISO 4833-1:2013,<br>AMD 1:2022 | Nhỏ hơn $10^{(1)}$ / Less than    |
| 7.2. Coliform,                                                  | CFU/g ISO 4832 : 2006                | Nhỏ hơn $10^{(1)}$ / Less than    |
| 7.3. E. Coli,                                                   | CFU/g ISO 16649-2:2001               | Nhỏ hơn $10^{(1)}$ / Less than    |
| 7.4. Staphylococcus aureus,                                     | CFU/g AOAC 2023 (975.55)             | Nhỏ hơn $10^{(1)}$ / Less than    |
| 7.5. Clostridium perfringens,                                   | CFU/g TCVN 4991 : 2005               | Nhỏ hơn $10^{(1)}$ / Less than    |
| 7.6. Nhóm Bacillus cereus,<br>Bacillus cereus group             | MPN/g AOAC 2023 (980.31)             | Nhỏ hơn $3^{(2)}$ / Less than     |
| 7.7. Tổng số nấm men & nấm mốc,<br>Total yeasts & moulds        | CFU/g AOAC 2023 (2014.05)            | Nhỏ hơn $10^{(1)}$ / Less than    |

**Ghi chú/Notes:** (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.  
(2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 3 MPN/g khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp/ According to the test method, the result is expressed as less than 3 MPN/g when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



KT3-05306BTP4/1-7

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

09/09/2024  
Page 01/03

- Tên mẫu  
*Name of sample* : POCA VỊ SỮA CHUA DẦU
- Mô tả mẫu  
*Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
*As received sample is intact package and label.*
- Số lượng mẫu  
*Quantity* : 01
- Ngày nhận mẫu  
*Date of receiving* : 04/09/2024
- Thời gian thử nghiệm  
*Testing duration* : 04/09/2024 – 09/09/2024
- Nơi gửi mẫu  
*Customer* : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM PEPSICO VIỆT NAM  
Số 3-4-5, Lô CN 2, Đường Số 2, KCN Sóng Thần 3,  
Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
*Test results* : Xem trang / *See page 02&03/03*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM  
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/  
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.*
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*



KT3-05306BTP4/1-7

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/09/2024  
Page 02/03

### 7. Kết quả thử nghiệm Test results

| Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                                                     | Phương pháp thử<br>Test method            | Giới hạn phát hiện<br>Limit of Detection | Phạm vi đo<br>Range of measurement<br>(≥) | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|
| 7.1. Năng lượng(*)/ Calories<br>• kcal/100 g<br>• kJ/100 g                                         | QTTN/KT3 024:2018                         |                                          | -                                         | 502<br>2100                       |
| 7.2. Hàm lượng béo, g/100 g<br>Fat content                                                         | QTTN/KT3 139 : 2016<br>(Có thủy phân)     |                                          | -                                         | 24,4                              |
| 7.3. Hàm lượng béo bão hòa, g/100 g<br>Saturated fat content                                       | AOAC 2019 (996.06)                        |                                          | -                                         | 10,1                              |
| 7.4. Hàm lượng natri, mg/100 g<br>Sodium content                                                   | QTTN/KT3 293:2021<br>(Ref: AOAC (969.23)) | -                                        |                                           | 124                               |
| 7.5. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g<br>Carbohydrate content excluding fibre | AOAC 2020.07                              |                                          | -                                         | 64,6                              |
| 7.6. Hàm lượng đường tổng số <sup>(1)</sup> , g/100 g<br>Total sugar content                       | QTTN/KT3 096 : 2017                       |                                          | -                                         | 13,1                              |
| 7.7. Hàm lượng protein, g/100 g<br>Protein content                                                 | QTTN/KT3 140 : 2016<br>Kjeldahl method    |                                          | -                                         | 6,03                              |

**Ghi chú/ Note:** Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(1): Hàm lượng đường tổng số / Total sugar content (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose +xylose).



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.  
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

KT3-05306BTP4/1-7

09/09/2024

Page 03/03

8. Dữ liệu về dinh dưỡng (theo yêu cầu của khách hàng)

*Nutrition Facts (as client's requirement)*

Thông tư số 29/2023/TT-BYT

**Thành phần dinh dưỡng (Nutrition Facts)**

Thành phần dinh dưỡng trong 30 g (Nutrition facts per 30 g)

Số khẩu phần trong 1 gói (Serving size Per pack) : 1

|                                  |          | % Giá trị dinh dưỡng<br>tham chiếu (NRV) |
|----------------------------------|----------|------------------------------------------|
| Năng lượng (Energy)              | 151 kcal | 7,55 %                                   |
| Protein                          | 1,81 g   | 3,62 %                                   |
| Carbohydrat (Carbohydrate)       | 19,4 g   | 5,97 %                                   |
| Đường tổng số (Total sugars)     | 3,93 g   |                                          |
| Chất béo (Total Fat)             | 7,32 g   | 13,1 %                                   |
| Chất béo bão hòa (Saturated fat) | 3,03 g   | 15,2 %                                   |
| Natri (Sodium)                   | 37,2 mg  | 1,86 %                                   |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (\*) là chưa được công nhận.

*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (\*) are not accredited yet.*